## Unit 5. Where will you be this weekend?

SPEAKING

**1.**

| *Act as.....* | *Mai:* | *Phong:* | *Tony:* |
|---|---|---|---|

a
What will you do this weekend?
I think my family and I will go for a picnic.
Great! That will be a lot of fun.

b
What about you, Tony? Where will you be on Saturday?
I think I'll be in the mountains.

c
What about you, Phong? Where will you be?
I'll be at home.

d
At home? Why?
Because I have to study.

**2.**

| *Act as.....* | *Mai:* | *Tony:* |
|---|---|---|
| Tony: | Hi, Mai. Where will you be tomorrow? |  |
| Mai: | What day is it tomorrow? | |
| Tony: | It's Saturday. | |
| Mai: | Oh, I think I'll be at the seaside. | |


LIVEWORKSHEETS

**3.**

| ***Act as.....*** | ***Linda:*** | ***Nam:*** |
|---|---|---|
| Nam: | Do you want to go for a picnic next week? |  |
| Linda: | Where will it be? | |
| Nam: | It'll be in the mountains. | |
| Linda: | Yes, please. That'll be a lot of fun. | |

**4.**

| ***Act as.....*** | ***Phong:*** | ***Linda:*** |
|---|---|---|
| Linda: | Will you be at home next week? |  |
| Phong: | Next week? | |
| Linda: | Yes. | |
| Phong: | I don't know. Maybe I'll be in the countryside. | |


LIVEWORKSHEETS

**5.**

***Act as..... Tony:*** ***Mai:***





LIVEWORKSHEETS

6.

| *Act as.....* | *Mai:* | *Dad:* |
|---|---|---|
| Dad: | Mai, would you like to go away this weekend? |  |
| Mai: | Yes, please. Where will we go? | |
| Dad: | To Ha Long Bay. | |
| Mai: | Oh, good! What will we have for breakfast? |  |
| Dad: | I think we'll have seafood and noodles. | |
| Mai: | OK! I love seafood. Will we take a boat around the islands, Dad? |  |
| Dad: | Yes, we will. | |
| Mai: | When will we do it? | |
| Dad: | I think we'll do it in the afternoon. | |
| Mai: | When will we explore the caves, dad? |  |
| Dad: | Not now, we'll do it later. | |
| Mai: | Oh... OK. Then I'll go for a swim in the sea. | |
| Dad: | Good idea. Your mum and I will go for a swim, too. | |


LIVEWORKSHEETS

**7.**

Hello, I'm Mai. I'll go to Ha Long Bay with my family next Sunday. It'll be a lot of fun. In the morning, I think my parents will swim in the sea. They love swimming! My brother and I will build sandcastles on the beach. In the afternoon, my mum and dad will sunbathe. My brother and I will play badminton. Then we'll have dinner on Tuan Chau Island. Seafood, I hope!

**8.**

Hello, I'm Tony. I'll be in Phu Quoc with my family tomorrow. It'll be a lot of fun. In the morning, I think my mum and dad will sunbathe. My sister and I will build sandcastles on the beach. In the afternoon, we will swim in the sea. We love swimming. In the evening, we will have dinner in a restaurant by the sea. Then we will go for a walk along the beach. I hope we will have a good time in Phu Quoc.

**NOTE**

- sth - something - cái gì đó
- sb - somebody - ai đó

1

| | |
|---|---|
| • this weekend | cuối tuần này |
| • think | nghĩ, suy nghĩ |
| • family | gia đình |
| • What about you? | Còn bạn thì sao? |
| • why | tại sao |
| • because | vì, bởi vì |


LIVEWORKSHEETS

| | |
|---|---|
| • have to…. | phải làm gì đó |
| • study = learn | học |
| 2-4 | |
| • tomorrow | ngày mai |
| • want to… | muốn làm gì đó |
| • next week | tuần tới, tuần sau |
| • please | vui lòng, làm ơn |
| • Yes, please. | Đồng ý. |
| • That'll be a lot of fun. | Sẽ vui lắm cho mà xem. |
| • know | biết, hiểu |
| • I don't know. | Tôi không biết nữa. |
| • maybe | có thể |
| 5 | |
| • great | tuyệt vời, hay |
| • That's great. | Thật là tuyệt vời. |
| 6 | |
| • would like to… = want to | muốn làm gì đó |
| • go away | đi xa |
| • seafood | hải sản |
| • noodles | phở, bún, mì |


LIVEWORKSHEETS

| | |
|---|---|
| • Not now. | Chưa phải lúc/Không phải bây giờ. |
| • it | việc đó |
| • later | sau, sau đó |
| • We'll do it later. | Chúng ta làm việc đó sau. |
| • then | sau đó |
| • Good idea. | Ý kiến hay đấy. |
| • .....too | cũng |
| 7 | |
| • there | đó, ở đó |
| 8 | |
| • then | sau đó |
| • hope | hi vọng |
| 9 | |
| • tomorrow | ngày mai |
| • restaurant | nhà hàng |
| • go for a walk = walk | đi dạo, đi bộ |
| • along | dọc theo |
| • along the beach | dọc theo bãi biển |
| • have a good time | có một khoảng thời gian tuyệt vời |


LIVEWORKSHEETS